

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày: 29 - 8 - 2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hoàng

Ông Phạm Thế Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Duy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nhất – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS, ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị T, sinh năm 1985 - Vắng mặt.

Địa chỉ: A C, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1987- Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1971- Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025, bản tự khai, phiên hòa giải nguyên đơn bà Cao Thị T, người đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn N trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, từ năm 2018 bà N1 có vay tiền của bà T nhiều lần. Đến ngày 20/12/2020, bà N1 đã gộp lại tự viết và ký vào giấy vay nợ cho bà T số tiền vay gốc là 1.900.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*) với lãi suất

thỏa thuận theo ngân hàng, trong giấy vay tiền bà N1 viết không thể hiện thời hạn trả nợ, nhưng các bên thỏa thuận miệng thời hạn trả nợ vào ngày 20/05/2021 bà N1 sẽ trả đủ số tiền cho bà T cả gốc và lãi. Bà Phạm Thị N1 có thỏa thuận thế chấp cho bà T một phần đất và nhà ở có diện tích đất 6m chiều ngang và chạy dài 40m mà gia đình bà đang sử dụng.

Tới ngày hẹn trả số tiền trên, bà Phạm Thị N1 không thực hiện việc trả nợ cho bà T đúng như thỏa thuận, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà N1 phải hoàn trả đầy đủ số tiền đã vay mượn nhưng bà N1 cứ lẩn tránh, thất hẹn không trả nợ. Phần diện tích đất mà bà N1 thế chấp cho bà T thì chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không thể xử lý tài sản đảm bảo cho khoản vay mà bà N1 đã vay của bà T, hiện nay bà T có tìm hiểu thì phần diện tích đất mà bà N1 đồng ý thế chấp cho bà T đã sang tên cho người khác nhằm tẩu tán tài sản trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà T.

Tuy nhiên, đến nay bà N1 không trả số tiền là: 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng) vay của bà T và lãi suất theo thỏa thuận.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Phạm Thị N1 phải trả cho bà Cao Thị T số tiền vay gốc là: 1.900.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*).

Buộc bà Phạm Thị N1 phải trả khoản lãi trong hạn là: 95.000.000 đồng, khoản lãi trên nợ lãi chưa trả là: 36.416.000 đồng, khoản lãi quá hạn là: 1.311.000.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 3.336.416.000 đồng (*Ba tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng*).

Đây là khoản nợ riêng của bà Phạm Thị N1, khi vay chỉ một mình bà N1 ký giấy tờ và nhận tiền, không liên quan đến chồng bà N1 là ông Nguyễn Viết T1. Do đó, bà T chỉ yêu cầu một mình bà N1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà T và số tiền bà T cho bà N1 vay là tiền riêng của bà T, không liên quan tới chồng bà T là ông Phạm Ngọc B.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Phạm Thị N1 trình bày:

Bà N1 có quan hệ làm ăn vay mượn tiền của bà Cao Thị T với mục đích chơi huê hụi, do đó từ năm 2018, bà N1 có vay của bà Cao Thị T nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Do không có tiền trả lãi nên ngày 20/12/2020, bà N1 đã tự viết giấy và ký vay số tiền 1.900.000.000 đồng của bà Cao Thị T, số tiền 1.900.000.000 đồng là cả gốc và lãi, trong giấy không thể hiện thời gian trả nợ nhưng các bên thỏa thuận thời gian trả nợ là năm tháng sau kể từ ngày ký giấy.

Nay bà T khởi kiện, bà N1 xác định chỉ nợ bà T khoảng 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng tiền gốc, số tiền còn lại là tiền lãi cộng dồn. Tuy nhiên bà N1 không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Trong giấy vay tiền thể hiện có thế chấp nhà và đất diện tích 6 x 40 mét thì bà T đã bán và đã trừ khoản nợ khác của bà T, không liên quan khoản nợ này.

Mục đích bà N1 vay tiền của bà T để làm ăn riêng (chơi huê hụi), chồng bà N1 tên là Nguyễn Viết T1, chồng bà không biết và không liên quan khoản nợ này.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu trả số tiền 1.900.000.000 đồng gốc, thì bà N1 xin trả số nợ gốc từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng và tiền lãi khoảng 100.000.000 đồng.

Thời hạn trả trong vòng 07 năm, mỗi năm trả 60.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 01/2026.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà N1 trả số tiền vay gốc 1.900.000.000 đồng, không yêu cầu bà N1 phải trả tiền lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326 của UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T. Buộc bà Phạm Thị N1 phải trả cho bà Cao Thị T số tiền vay là 1.900.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Cao Thị Thanh L ngày 17/3/2025, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn Phạm Thị N1 có cư trú tại thôn Q, TT. B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn Q, xã K, tỉnh Đắk Lắk). Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5

- Đắc Lắc căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T, yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị N1 trả số tiền vay gốc 1.900.000.000 đồng, HĐXX nhận định như sau:

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Phạm Thị N1 cho rằng từ năm 2018 bà N1 có vay tiền của bà Cao Thị T nhiều lần, khoảng 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng tiền gốc (không nhớ cụ thể), lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Do không trả lãi nên ngày 20/12/2020 bà T cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc và bảo bà N1 viết và ký nhận nợ cho bà T 1.900.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N1 không có chứng cứ để chứng minh, bà T không thừa nhận.

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 20/12/2020 thể hiện bà N1 vay bà T số tiền 1.900.000.000 đồng, lãi suất tính theo ngân hàng, giấy vay không thể hiện thời hạn trả nợ, tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự xác định thời hạn trả nợ vào ngày 20/5/2021 bà N1 sẽ trả đủ cả gốc lẫn lãi.

Mặc dù bị đơn bà Phạm Thị N1 không thừa nhận vay tiền bà T 1.900.000.000 đồng, nhưng thừa nhận bắt đầu từ năm 2018 đã vay tiền của bà T nhiều lần và ngày 20/12/2020 bà N1 đã tự viết và ký vào giấy vay nợ của bà Cao Thị T 1.900.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn cũng xác định từ năm 2018 bà N1 vay tiền bà T nhiều lần nhưng không trả và ngày 20/12/2020 các bên tổng kết lại và bà N1 tự viết và ký vào giấy vay nợ bà T 1.900.000.000 đồng.

Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bắt đầu từ năm 2018 bà N1 đã vay tiền bà T nhiều lần và đến ngày 20/12/2020 các bên tính toán lại và bà N1 đã viết lại giấy vay tiền cho bà T số tiền vay là 1.900.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ theo thỏa thuận, nhưng bà N1 không trả nợ như cam kết là trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ nên bà T khởi kiện là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, cần buộc bà N1 phải trả số tiền 1.900.000.000 đồng cho bà Cao Thị T.

Theo đơn khởi kiện, bà Cao Thị T yêu cầu bà N1 phải trả lãi suất của số tiền vay 1.900.000.000 đồng là 1.436.416.000 đồng, tuy nhiên quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thay đổi một phần nội dung khởi kiện, không yêu cầu bà N1 trả lãi suất. Xét thấy, việc thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện không vượt quá đơn khởi kiện ban đầu theo khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị N1 phải chịu 69.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Theo

mức tính: 800.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + (1.100.000.000 đồng x 3%)=69.000.000 đồng. Hoàn trả cho bà Cao Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đối với nội dung trong giấy vay thế hiện thế chấp tài sản là đất và nhà ở 6x40, tuy nhiên diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu xem xét nên, HĐXX không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các điều 463, 465, 466, 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị T.

Buộc bà Phạm Thị N1 phải trả cho bà Cao Thị T số tiền là 1.900.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*).

Bà Cao Thị T không yêu cầu bà Phạm Thị N1 phải trả lãi suất, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị N1 phải chịu 69.000.000 đồng (*sáu mươi chín triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Cao Thị Thanh 4 (*Bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2023/0008738 ngày 04/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana (Nay là Phòng thi hành án khu vực 5- Đăk Lăk)

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 5- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 5- Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- ;
- Lưu VP, Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Chu Anh Hùng